

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 12 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đình Tùng và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Luy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Dương Thị H - sinh năm 1982; có mặt.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn N - sinh năm 1980; vắng mặt lần 2 không có lý do.

Cùng nơi ĐKKHKT và nơi ở: tiểu khu L S, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2023, bản tự khai ngày 11/8/2023 nguyên đơn - chị Dương Thị H trình bày:* chị kết hôn với anh Phạm Văn N trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 22/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn khoảng 8 tháng đầu, sau đó giữa vợ chồng đã bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, do anh N thường xuyên

ghen tuông vô cớ, sau đó chửi bới, đánh đập chị nhiều lần; dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn N.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Phạm Thị Khánh L - sinh ngày 07/01/2006, cháu Phạm Mạnh T - sinh ngày 13/2/2008 và cháu Phạm Tiến M - sinh ngày 17/02/2017. Nếu ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả ba cháu và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về con nuôi, con riêng: vợ chồng đều không có, hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công nợ: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn đề nghị gì khác.

* *Về phía bị đơn anh Phạm Văn N:* quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng thông báo cho anh N đến Tòa án làm việc, tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương đã xuống nhà anh N làm việc nhưng anh N từ chối khai báo và không hợp tác làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu anh N làm bản tự khai cũng như tiến hành lấy lời khai của anh N được. Do anh N vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ nên Tòa án cũng không tiến hành hòa giải đối với vụ án trên được.

* *Tại Bản tự khai các cháu Phạm Thị Khánh L, cháu Phạm Mạnh T đều có ý kiến:* nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, các cháu xin được ở với mẹ.

* *Xác minh tại UBND thị trấn Kiện Khê xác định:* Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị H và anh Phạm Văn N kết hôn với nhau năm 2005, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm ngày 12/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tiểu khu L S, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Theo nắm bắt thì nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, do anh N thường xuyên ghen tuông, sau đó về chửi bới vợ con, dẫn đến việc chị H có đơn xin ly hôn với anh N. Sau khi nhận được đơn xin ly hôn của chị H,

UBND thị trấn cũng đã mời các bên lên để hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng tại các buổi hòa giải anh N vắng mặt không có lý do, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, vì vậy việc hòa giải không có kết quả. Đến nay, chị H có đơn xin ly hôn với anh N tại Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp anh chị đều kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh, chị có ba con chung là cháu Phạm Thị Khánh L - sinh ngày 07/01/2006; cháu Phạm Mạnh T - sinh ngày 13/02/2008 và cháu Phạm Tiến M - sinh ngày 07/02/2017. Nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng của các cháu để giải quyết.

- Về tài sản chung: do anh chị không đề nghị, nên địa phương không có ý kiến gì.

- Về công nợ: Tại địa phương anh, chị không có nợ tập thể, còn có nợ cá nhân nào không thì địa phương không rõ.

- Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu gì, nên địa phương cũng không có ý kiến gì.

Hiện nay, chị Dương Thị H đang làm công nhân ở Công ty, còn Công ty nào và thu nhập bao nhiêu thì địa phương không rõ. Còn anh Phạm Văn N không có công ăn việc làm ổn định, lao động tự do.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị Dương Thị H có ý kiến: Sau khi chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị đã mang theo các con chung về nhà mẹ đẻ tại: thôn H S, xã T S, huyện K B, tỉnh Hà Nam sinh sống. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Cổ phần Nam Vang Hà Nam có địa chỉ tại khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý với mức lương khoảng từ 8 - 12 triệu đồng/ 1 tháng. Đối với cháu Khánh L, hiện nay đã gần đủ 18 tuổi đã đi làm và có thu nhập tự nuôi sống bản thân, nên chị có đủ khả năng để nuôi dưỡng cả ba cháu và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và

gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử - xử cho ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Phạm Văn N. Về con chung: giao cả ba cháu cháu Phạm Thị Khánh L - sinh ngày 07/01/2006; cháu Phạm Mạnh T - sinh ngày 13/02/2008 và cháu Phạm Tiến M - sinh ngày 07/02/2017 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị H không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Dương Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Dương Thị H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Phạm Văn N đăng ký thường trú tại tiểu khu L S, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do; nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Phạm Văn N là tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặt khác, do anh Ngọc thường xuyên ghen tuông, sau đó về chửi bới vợ con; dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị Dương Thị H kiên quyết xin ly hôn với anh Phạm Văn N. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Dương Thị H và anh Phạm Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Dương Thị H có đơn xin ly hôn với anh Phạm Văn N là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Dương Thị H và anh Phạm Văn N có 03 con chung là Phạm Thị Khánh L - sinh ngày 07/01/2006; cháu Phạm Mạnh T - sinh ngày 13/02/2008 và cháu Phạm Tiến M - sinh ngày 07/02/2017. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Phạm Thị Khánh L và Phạm Mạnh T đều có nguyện

vọng được ở với mẹ. Do anh N không khai báo nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của anh N. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H cũng như nguyện vọng của các cháu đều chính đáng. Hơn nữa hiện nay chị H có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc các cháu, điều đó thể hiện trong quá trình vợ chồng sống ly thân các cháu ở với chị H, chị H vẫn đảm bảo được điều kiện ăn uống, sinh hoạt, học hành cho các cháu. Mặt khác, hiện nay anh N không có công ăn việc làm ổn định, làm công việc tự do không thường xuyên có mặt ở nhà. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu, điều kiện thực tế của chị Dương Thị H và anh Phạm Văn N; Hội đồng xét xử quyết định giao cả ba cháu Phạm Thị Khánh L, Phạm Mạnh T và Phạm Tiến M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: giao các cháu Phạm Thị Khánh L - sinh ngày 07/01/2006; cháu Phạm Mạnh T - sinh ngày 13/02/2008 và cháu Phạm Tiến M - sinh ngày 07/02/2017 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Dương Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Dương Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001337 ngày 08/8/2023.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản

án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND thị trấn Kien Khê, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh